TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH SƠN** **TỈNH QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 25/10/2019
V/v Ly hôn,tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH SƠN, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Đoàn Kiều Trung.
Các Hội thẩm nhân dân:
1/ Bà Phạm Thị Thuận;
2/ Ông Nguyễn Minh Thanh.
- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lên – Là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi *tham gia phiên tòa:* Ông Huỳnh Tấn Hoàng – Kiểm sát viên.

Ngày 25/10/2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 135/2019/TLST-HNGĐ, ngày 10/6/2019 về việc*"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 77/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày10/10/2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị Thu G, sinh năm 1985;
Địa chỉ: Thôn T, xã B, huyện B, tỉnh Q.
- *Bị đơn:*Anh Lê Huy Ngh, sinh năm 1981;
Địa chỉ: Xóm X, xã H, huyện H, tỉnh T.

Các đương sự, nguyên đơn chị Lê Thị Thu G (có mặt), bị đơn anh Lê Huy Ngh (có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Lê Thị Thu G trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Giữa chị Lê Thị Thu G và anh Lê Huy Ngh tự tìm hiểu yêu thương nhau, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện B, tỉnh Q vào ngày 02/02/2009. Sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống và làm ăn tại thành phố H. Quá trình chung sống hạnh phúc được 5 năm sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân xuất phát từ việc sau khi sinh con kinh tế gặp nhiều khó khăn, chị G bươn chải làm ăn nuôi con, lo toan cuộc sống trong khi anh Ngh thì ngược lại không lo làm ăn xây dựng hạnh phúc gia đình, không có trách nhiệm với vợ con, bỏ mặc nhiên cho mẹ con tự lo liệu, mỗi khi vợ chồng bàn bạc việc gì anh cũng không nghe, vợ chồng không có

tiếng nói chung, không cùng quan điểm và cách sống không hòa hợp nhau. Từ đó mâu thuẫn kéo dài và vợ chồng sống ly thân nhau hơn 6 năm, chị G về quê ở thôn T, xã B, huyện B, tỉnh Q sinh sống, còn anh Ngh về quê anh ở tỉnh T sống. Nay chị G xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị G yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Ngh.

Về con chung: Trong thời gian sống chung vợ chồng có một con chung là Lê Huy L, sinh ngày 09/4/2009, hiện nay chị G đang nuôi dưỡng. Khi ly hôn chị G yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, về nợ chung: Không có.

Ngoài ra chị G không yêu cầu gì thêm.

* Tại bản tự khai anh Lê Huy Ngh trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng, con chung, tài sản chung và nợ chung của vợ chồng, anh Lê Huy Ngh trình bày có nội dung thống nhất như lời trình bày ở trên của chị Lê Thị Thu G.

Nay chị G xin ly hôn anh Ngh, anh Ngh đồng ý ly hôn chị G để giải phóng cho đôi bên.

Khi ly hôn về con chung anh Ngh đồng ý giao cháu Lê Huy L, sinh ngày 09/4/2009 cho chị G tiếp tục nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

***** Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Q về nội dung vụ án như sau:

I. Việc tuân theo pháp luật tố tụng:

1.Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

- Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:

Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa:

Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

2. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

- Việc chấp hành pháp luật tố tụng của nguyên đơn: Nguyên đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật tố tụng của bị đơn: Bị đơn có văn bản ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Vì vậy bị đơn đã chấp hành đầy đủ theo quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

II. Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Áp dụng các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; các Điều 28, 35, 39, 147, 189, 220, 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Chấp nhận cho chị Lê Thị Thu G được ly hôn anh Lê Huy Ngh.

- Về con chung: Giao cháu Lê Huy L, sinh ngày 09/4/2009 cho chị Lê Thị Thu G tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con, chị G không yêu cầu.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Lê Thị Thu G khởi kiện *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* với anh Lê Huy Ngh cư trú tại: xóm X, xã H, huyện H, tỉnh T , giữa chị G và anh Ngh có văn bản tự thỏa thuận yêu cầu Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Q nơi cư trú của nguyên đơn giải quyết, căn cứ vào các Điều 28, 35 và điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Q thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

Bị đơn anh Lê Huy Ngh có đơn xin giải quyết vụ án vắng mặt, Tòa án đã thu thập đầy đủ chứng cứ và tiến hành tống đạt các thủ tục tố tụng đầy đủ cho anh Ngh theo đúng quy định của pháp luật nên Tòa án có cơ sở xét xử vắng mặt anh Ngh theo yêu cầu của anh, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về hôn nhân: Chị Lê Thị Thu G và anh Lê Huy Ngh kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện B, tỉnh Q vào ngày 02/02/2009. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị chị G và anh Ngh là hôn nhân hợp pháp.

Trong thời gian chung sống, do chị G và anh Ngh gặp khó khăn về kinh tế nhưng anh Ngh không lo làm ăn, xây dựng kinh tế cho gia đình, vợ chồng sống không hòa hợp nhau, mỗi người mỗi quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn cải vã với nhau và hai bên đã đã sống ly thân nhau hơn 06 năm. Xét thấy, tình cảm giữa chị G và anh Ngh không còn, anh, chị không sống chung với nhau trong thời gian dài mà không hàn gắn được, mục đích hôn nhân của anh, chị không đạt được, bản thân anh Ngh cũng đồng ý ly hôn chị G. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy, việc chị G xin ly hôn anh Ngh là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, nên chấp nhận yêu cầu của chị G xin ly hôn anh Ngh.

[3] *Về con chung:* Giữa chị G và anh Ngh có một con chung là Lê Huy L, sinh ngày 09/4/2009. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, chị G yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, cháu L hiện nay do chị G đang trực tiếp nuôi dưỡng, nguyện vọng của cháu L muốn ở với chị G, cháu hiện nay đang học hành ổn định tại xã B, công việc của chị G buôn bán tại địa phương, Hội đồng xét xử xét thấy nên giao cháu L cho chị G tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại khoản 2 và 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Về cấp dưỡng nuôi con, chị G không yêu cầu.

[4] *Về tài sản chung, nợ chung:* Không có nên không đặt ra giải quyết.

[5] *Về án phí:* Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH buộc chị G phải nộp án phí dân sự sơ thẩm.

[6] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát ở trên là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nghĩ nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: chị Lê Thị Thu G được ly hôn anh Lê Huy Ngh .

Về con chung: Giao cháu Lê Huy L, sinh ngày 09/4/2009 cho chị Lê Thị Thu G tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Chị Gấm không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Anh Ngh có quyền, nghĩa vụ đi lại, thăm nom con chung, không ai được cản trở. Khi cần thiết một trong hai bên có quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con và khi cần thiết một trong hai bên cá nhân hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Về án phí dân sự sơ thẩm: 300.000 (Ba trăm nghìn đồng), chị G có nghĩa vụ nộp sung công nhưng chị đã nộp tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 300.000đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0002687 ngày 10 tháng 6 năm 2019 của Chi cục Thi hành án huyện B, tỉnh Q nên được khấu trừ xong.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn chị Lê Thị Thu G có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn anh Lê Huy Ngh vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND t.Q ;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Đoàn Kiều Trung